

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/8/2025.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con giữa chị Cúc và anh Anh”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Vương Thị Hội.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 14 – Gia Lai tham gia
phiên tòa:*** Ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 22/8/2025, tại trụ sở TAND khu vực 14 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2025 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim C, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ A, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai.

Chị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh A lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Vũ A qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/4/2009.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác

nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến không tôn trọng nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

2. Về con chung: Chị C và anh A có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng C1, sinh ngày 04/9/2009. Sau khi ly hôn, chị C có nguyện vọng giao cháu C1 cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh A không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Vũ A: Quá trình giải quyết vụ án, anh A luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 25/7/2025, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng anh A đã vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh lại tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Trích lục kết hôn mang tên Phạm Thị Kim C – Nguyễn Vũ A (*bản sao*), 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Thị Kim C (*bản photo*) và 01 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Vũ Hoàng C1 (*bản photo*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị C và anh A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/4/2009; anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng C1, sinh ngày 04/9/2009. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị C giao nộp là Giấy trích lục kết hôn mang tên Phạm Thị Kim C – Nguyễn Vũ A (*bản sao*) và Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Vũ Hoàng C1 (*bản photo*).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND khu vực 14 - Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; các Điều 28, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015 ; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim C, xử cho chị C được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Vũ A.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Hoàng C1, sinh ngày 04/9/2009 cho anh A nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động; chị C không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị C và anh A không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét.

- *Về án phí*: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng dân sự*: Chị Phạm Thị Kim C có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai trước đây, nay là TAND khu vực 14 - Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Nguyễn Vũ A. Theo quy định tại Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 14 - Gia Lai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ quy định tại các Điều 227 và 228 của BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Vũ A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/4/2009 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến không tôn trọng nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A. Về phía bị đơn anh Nguyễn Vũ A đã luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức nên việc hòa giải cho anh chị đoàn tụ gia đình không thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh A đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh A.

[3] *Về con chung*: Chị C và anh A có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng C1, sinh ngày 04/9/2009. Sau khi ly hôn, chị C có nguyện vọng giao cháu C1 cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của chị C là phù hợp với nguyện vọng của cháu C1 và điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh

chị khi cháu C1 đang ở với anh A, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, giao con chung cho anh A nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do anh A chưa đưa ra yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trường hợp sau này anh A có yêu cầu thì anh có quyền khởi kiện chị C trong vụ án HN&GD khác.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Theo chị C thì chị và anh A không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí LHST*: Chị C phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim C, xử cho chị C được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Vũ A.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Hoàng C1, sinh ngày 04/9/2009 cho anh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị C không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002535 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Gia Lai); chị C đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 14-Gia Lai;
- THADS tỉnh G;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

